

Số: 768 /QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ
VỀ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Đính kèm danh mục thủ tục hành chính)

Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm triển khai, niêm yết, công khai và thực hiện; đồng thời, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo đúng quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính thứ tự 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 79, 80, 81, 82, 83, 84; các thủ tục hành chính thứ tự 5, 6 (cấp huyện), các thủ tục hành chính thứ tự 1, 2 (cấp xã) trong Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm PV hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT, NC.^{NTH}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Thu Ánh

Phụ lục

DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, TTHC BÃI BỎ VỀ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ.	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	- Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.			
2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác.	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.	binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.			
3	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày;	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	- Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.			30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
5	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày;	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 5 ngày;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Cấp tỉnh 12 ngày.	- Cấp tỉnh 10 ngày.			biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
6	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	104 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương 20 ngày; - Cấp tỉnh: 84 ngày. + Sở LĐTBXH 12 ngày có giấy giới thiệu gửi Hội đồng Giám định y khoa tỉnh; + Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày;	104 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương 20 ngày; - Cấp tỉnh: 84 ngày. + Sở LĐTBXH 12 ngày có giấy giới thiệu gửi Hội đồng Giám định y khoa tỉnh; + Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Sở LĐTBXH 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận.	+ Sở LĐTBXH 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận.			
7	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an.	84 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: + Sở LĐTBXH 12 ngày có giấy giới thiệu gửi Hội đồng Giám định y khoa tỉnh; + Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày; + Sở LĐTBXH 12 ngày kể từ ngày tiếp nhận	84 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: + Sở LĐTBXH 12 ngày có giấy giới thiệu gửi Hội đồng Giám định y khoa tỉnh; + Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày; + Sở LĐTBXH 12 ngày kể từ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		biên bản giám định ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp.	ngày tiếp nhận biên bản giám định ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp.			
8	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh.	<ul style="list-style-type: none"> - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Đối với trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn có văn bản đề nghị Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị quân đội nhân 	<ul style="list-style-type: none"> - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Đối với trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn có văn bản đề nghị Cục Chính sách, Tổng cục 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dân Việt Nam hoặc Thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ.	Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam hoặc Thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ.			
9	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Sở LĐTBXH 12 ngày; - BHXH tỉnh 12 ngày;	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Sở LĐTBXH 12 ngày; - BHXH tỉnh 12 ngày;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an.	<p>204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp xã 60 ngày; + Cấp huyện 60 ngày; + Cấp tỉnh 84 ngày. <p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trong đó:</p>	<p>204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp xã 60 ngày; + Cấp huyện 60 ngày; + Cấp tỉnh 84 ngày. <p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương:</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>+ Cấp xã 63 ngày; + Cấp huyện 60 ngày; + Cấp tỉnh 84 ngày. - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong đó: + Cấp xã 60 ngày; + Cấp huyện 60 ngày;</p>	<p>207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Trong đó: + Cấp xã 63 ngày; + Cấp huyện 60 ngày; + Cấp tỉnh 84 ngày. - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong đó:</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Cấp tỉnh 87 ngày.	+ Cấp xã 60 ngày; + Cấp huyện 60 ngày; + Cấp tỉnh 87 ngày.			
11	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý.	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp huyện 22 ngày; - Cấp tỉnh 20 ngày.	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp huyện 17 ngày; - Cấp tỉnh 20 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
12	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý.	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó:	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 5 ngày.	- Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 5 ngày.			phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
13	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Trung tâm điều dưỡng 05 ngày; - Sở LĐTBXH 05 ngày.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Trung tâm điều dưỡng 05 ngày; - Sở LĐTBXH 05 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
14	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ.	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
15	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cơ quan có thẩm quyền xem xét 20 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 20 ngày; - Cấp tỉnh 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
16	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 96 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 94 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 07 ngày; - Cấp tỉnh 84 ngày. <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu đến Hội đồng Giám định y khoa tỉnh.</p> <p>+ Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày.</p> <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận biên bản giám định của Hội đồng Giám định y</p>	<p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 07 ngày; - Cấp tỉnh 82 ngày. <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu đến Hội đồng Giám định y khoa tỉnh.</p> <p>+ Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày.</p> <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận biên</p>			<p>công với cách mạng.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>khoa tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 89 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 07 ngày; - Cấp tỉnh 77 ngày. <p>+ Sở LĐTBXH</p>	<p>bản giám định của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 87 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 5 ngày; 			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu đến Hội đồng Giám định y khoa tỉnh.</p> <p>+ Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày.</p> <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận biên bản giám định của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp có vợ hoặc có</p>	<p>- Cấp huyện 07 ngày;</p> <p>- Cấp tỉnh 75 ngày.</p> <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu đến Hội đồng Giám định y khoa tỉnh.</p> <p>+ Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày.</p> <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận biên bản giám định của Hội đồng Giám định y</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>chồng nhưng không có con đẻ: 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 12 ngày; - Cấp huyện 07 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày. 	<p>khoa tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 12 ngày; - Cấp huyện 07 ngày; - Cấp tỉnh 10 ngày. 			
17	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ	96 ngày làm việc kể từ ngày	94 ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận Tiếp nhận và	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	<p>nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày ; - Cấp tỉnh 84 ngày. <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu đến Hội đồng Giám định y khoa tỉnh.</p> <p>+ Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày.</p> <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 12 ngày kể từ</p>	<p>nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày ; - Cấp tỉnh 82 ngày. <p>+ Sở LĐTBXH trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu đến Hội đồng Giám định y khoa tỉnh.</p> <p>+ Hội đồng Giám định y khoa tỉnh 60 ngày.</p>	Trả kết quả cấp xã		<p>năm 2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận biên bản giám định của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh xem xét, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.	+ Sở LĐTBXH trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận biên bản giám định của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh xem xét, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.			
18	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
19	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải	24 ngày làm việc kể từ ngày	22 ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận Tiếp nhận và	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 10 ngày.	Trả kết quả cấp xã		năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
20	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
21	Giải quyết chế độ hỗ trợ đi theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo	- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công	- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	dục quốc dân.	<p>an quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý. <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 3 ngày; - Cấp huyện 5 ngày; - Cấp tỉnh 7 ngày. 	<p>an quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý. <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã 3 ngày; - Cấp huyện 5 ngày; - Cấp tỉnh 7 ngày. 			131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
22	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
23	Hưởng lại chế độ ưu đãi.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
24	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần.	- Đối với trợ cấp một lần và mai táng: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	- Đối với trợ cấp một lần và mai táng: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>- Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng:</p> <p>+ 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. Trong đó:</p> <p>+ Cấp xã 12 ngày;</p> <p>+ Cấp huyện 7 ngày;</p> <p>+ Cấp tỉnh 12 ngày.</p> <p>+ 43 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng,</p>	<p>- Cấp tỉnh 12 ngày.</p> <p>- Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng:</p> <p>+ 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. Trong đó:</p> <p>+ Cấp xã 12 ngày;</p> <p>+ Cấp huyện 7 ngày;</p> <p>+ Cấp tỉnh 12 ngày.</p> <p>+ 43 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khuyết tật đặc biệt nặng. Trong đó: + Cấp xã 12 ngày; + Cấp huyện 7 ngày; + Cấp tỉnh 24 ngày.	hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng. Trong đó: + Cấp xã 12 ngày; + Cấp huyện 7 ngày; + Cấp tỉnh 24 ngày.			
25	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 5 ngày; - Cấp huyện 7 ngày; - Cấp tỉnh 12 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
26	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
27	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
28	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
29	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
30	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	9 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	9 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
31	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh nơi nguyên quán của liệt sĩ; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh nơi liệt sĩ hy sinh; Cục Chính sách – Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Thủ tục hành chính cấp huyện:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 1 ngày; - Cấp huyện 5 ngày.	6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong đó: - Cấp xã 1 ngày; - Cấp huyện 5 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Thủ tục hành chính cấp xã:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
2	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND xã, Phòng LĐ-TB&XH; Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
3	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH; Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
4	<p>Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra. 	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTB&XH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
5	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH, HDGDYK cấp tỉnh	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
6	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐ-TB&XH.	TTHC được công bố tại Quyết định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác.				549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
7	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
8	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Trường công an huyện, Sở LĐTBXH, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ ngành liên quan	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
9	Thủ tục giám định vết thương còn sót.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
10	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
11	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH, Sở LĐ-TB&XH,	TTHC được công bố tại Quyết định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.			Sở Y tế, Bộ Quốc phòng	549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
12	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH, Sở LĐ-TB&XH, Sở Y tế	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
13	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH, Sở LĐ-TB&XH, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
14	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
15	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
16	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐ-TB&XH, cơ quan liên quan theo thẩm quyền	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
17	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐTBXH, Cơ quan liên quan	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
18	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
19	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
20	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐTBXH, Hội đồng giám định pháp y, Bộ LĐTBXH, các cơ quan liên quan theo thẩm quyền	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
21	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH, Sở Nội vụ, UBND tỉnh, Bộ GTVT, các cơ quan có liên quan	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
22	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
23	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Sở LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
24	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH, các cơ quan có liên quan	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
25	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH, Sở LĐ-TB&XH, cơ sở giáo dục phổ thông, nghề nghiệp, đại học	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
26	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH, Sở LĐTBXH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

2. Thủ tục hành chính cấp huyện:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã, Phòng LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
2	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	Phòng LĐ-TB&XH	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang

3. Thủ tục hành chính cấp xã:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ.	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang
2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Người có công	UBND cấp xã	TTHC được công bố tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang